TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:13/2025/HNGĐ - ST
Ngày:09/5/2025
Về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà***:** Bà Hà Thị Thu Thủy.

- *Các hội thẩm nhân dân*

1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- *Thư ký phiên toà*: Bà Đào Hồng Thanh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên tòa:* Ông Dương Văn Thuận-Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2025/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị Phương T, sinh năm 1984;
- **Bị đơn:** Anh Phạm Đức H, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường BH, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Đỗ Thị Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Đức H tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2006, đăng ký kết hôn tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã Phúc Thuận vào ngày 28/3/2006. Sau khi kết hôn chị về nhà anh H làm dâu. Tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H thường xuyên đánh đập phá nhà cửa, đến năm 2023 thì chị còn phát hiện anh H có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác và nhiều lần về nhà đánh mẹ con chị khiến gia đình luôn bất hoà. Đã nhiều lần chị phải trình báo

Công an và làm đơn xin ly hôn với anh H, sau đó anh H hứa sẽ sửa chữa, thay đổi và xin chị rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ, vì thương các con và tin tưởng vào lời hứa của anh nên chị đã rút đơn về để cùng anh H tiếp tục chung sống. Tuy nhiên chỉ được thời gian ngắn anh H lại chứng nào, tật ấy, sinh sự đánh đập mẹ con chị khiến cuộc sống vợ chồng căng thẳng, không hạnh phúc ảnh hưởng đến tâm lý của chị và các con. Nay chị xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh H được nữa, chị không còn tình cảm tình cảm với anh H, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung là: Phạm Anh T, sinh ngày 24/9/2007 và Phạm Anh N, sinh ngày 07/02/2010. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Chị hiện đang làm y tá tại Bệnh viện C Thái Nguyên thu nhập mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng, bên cạnh đó khi hết giờ hành chính chị về nhà kinh doanh quán nước nên chị có đủ điều kiện để nuôi hai con.

Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị T xác định, trong quá trình chung sống anh chị có tài sản chung nhưng sẽ tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung và khoản cho vay chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Phạm Đức H thông báo thụ lý và báo anh H đến Toà án để làm việc; cũng như tống đạt Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Khi Toà án đến làm việc tại nhà, anh H đi làm không có ở nhà, Tổ trưởng tổ dân phố 2 ông Nguyễn Quang T nhận thay các văn bản trên và cam kết sẽ giao cho anh H các văn bản trên. Bên cạnh đó Tòa án đã tiến hành thông báo trực tiếp qua điện thoại cho anh H nhưng đến nay anh H vẫn không đến Tòa án để làm việc.

Quá trình xác minh, Tổ trưởng tổ dân phố 2 là ông Nguyễn Quang T cung cấp thông tin: Anh Phạm Đức H và chị Đỗ Thị Phương T là vợ chồng, hiện anh H đi làm công việc tự do, thường xuyên đi làm từ sáng đến tối mới về nhà. Quá trình sinh sống tại địa phương anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Anh N, sinh ngày 07/02/2010 và cháu Phạm Anh T, sinh ngày 24/9/2007. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T thì tổ dân phố không nắm được.

Quá trình xác minh với Công an phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên xác định: Tại Công an phường Ba Hàng ghi nhận tin báo, ngày 24/9/2021 chị Đỗ Thị Phương T trình báo bị chồng là anh Phạm Đức H đánh vào tối ngày 23/9/2021. Công an phường lập hồ sơ xử lý hành chính. Ngày 17/02/2022, Công an thành phố Phổ Yên xử phạt hành chính Phạm Đức H về hành vi "Xâm phạm sức khoẻ người khác".

Phần tranh luận: Chị T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh H; về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi cả hai con chung là: Phạm Anh Nhật, sinh ngày 07/02/2010 và Phạm Anh Thái, sinh ngày 24/9/2007; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết; về nợ chung, khoản cho vay chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân & gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Xử cho chị Đỗ Thị Phương T được ly hôn với anh Phạm Đức H.

Về con chung: Giao hai con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 24/9/2007 và Phạm Anh N, sinh ngày 07/02/2010 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H đến khi chị T có yêu cầu, anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở; về tài sản chung: Tự thoả thuận nên không đặt ra việc giải quyết; về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có; về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để nộp Ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng - Thụ lý đơn khởi kiện: Ngày 08/01/2025 chị T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Ngày 10/01/2025 chị T có đơn đề nghị tạm dừng thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện do chị có việc đi công tác nên chưa thể đến toà án giải quyết được. Ngày 21/02/2025, chị T có đơn đề nghị tiếp tục thụ lý đơn khởi kiện, cùng ngày Toà án có Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện. Ngày 24/02/2025 chị T đã nộp đơn lại đơn khởi kiện. Toà án đã có Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí ngày 25/02/2025, cùng ngày chị T đã nộp lại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, Tòa án thụ lý vụ án, đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 191 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* giữa nguyên đơn là chị Đỗ Thị Phương T và bị đơn là anh Phạm Đức H. Anh H có hộ khẩu thường trú và hiện đang ở tại Tổ dân phố 2, phường BH, thành phố Phổ Yên. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[3]. Về thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng, việc không tiến hành hòa giải được và sự vắng mặt của bị đơn anh H tại phiên tòa*:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh H và báo anh H, chị T đến Toà án để tiến hành hoà giải. Tuy nhiên anh H không đến Toà án để trình bày quan điểm về việc chị T xin ly hôn anh cũng như tham gia phiên hòa giải. Phía chị T có đơn yêu cầu Toà án không tiến hành phiên hoà giải, Tòa án đã lập biên bản không tiến hành phiên hòa giải được là phù hợp với quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn anh

Phạm Đức H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Anh H đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên toà nhưng anh H vẫn không đến tham gia tố tụng tại phiên toà, thể hiện sự không tôn trọng hôn nhân của chính anh chị cũng như không chấp hành quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định của pháp luật và cũng để bảo đảm quyền lợi cho chị T.

[4]. Về sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng quy định của pháp luật.

[5]. Về nội dung:

[5.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Phương T và anh Phạm Đức H có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh H làm dâu và chung sống với gia đình anh H. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T là do anh H thường xuyên đập phá đồ đạc, đánh đập vợ con và có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác khiến cuộc sống của vợ chồng trở nên căng thẳng và không còn hạnh phúc nữa. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh H nữa nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Về phía anh H: Trong quá trình giải quyết vụ án anh H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, do anh H đi làm không có nhà nên tổ trưởng tổ dân phố 2 đã nhận thay và cam kết giao tận tay các văn bản tố tụng của Toà án cho anh H, bên cạnh đó Toà án cũng đã liên hệ qua điện thoại để thông báo cho anh H biết việc chị T có đơn xin ly hôn với anh, cũng như thông báo cho anh thời gian đến Toà án để làm việc, tuy nhiên anh H vẫn không đến Tòa án để làm việc cũng như trình bày quan điểm về việc chị T xin ly hôn anh. Qua đó thể hiện việc anh H không tôn trọng pháp luật cũng như không tôn trọng chính hôn nhân của anh chị.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét thấy có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ chung sống với nhau…".* Tại phiên tòa, cho thấy thái độ cương quyết ly hôn của chị T đối với anh H và chị khẳng định không còn tình cảm gì với anh H.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Toà án không thành thì Toà án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"*. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp Điều 19, Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 24/9/2007 và Phạm Anh N, sinh ngày 07/02/2010. Nay

ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết anh H không thể hiện quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Xét thấy hiện nay chị T có công việc làm và thu nhập ổn định, hiện chị đang làm việc tại Bệnh viện C-Thái Nguyên và có thu nhập hơn 7.000.000đồng (bảy triệu đồng)/tháng, ngoài ra chị còn kinh doanh quán nước. Quá trình giải quyết vụ án cả hai con chung của anh chị đều có đơn trình bày và đều có nguyện vọng muốn được ở cùng chị T khi bố mẹ không ở được với nhau. Do vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin nuôi con chung của chị T, nên cần giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5.3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là ý chí tự nguyện của chị T, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H cho đến khi chị T có yêu cầu.

[5.4]. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà chị T xác định sẽ tự thoả thuận, không yêu cầu toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra việc xem xét giải quyết.

[5.5]. Về nợ chung, khoản cho vay chung: Chị T xác định không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[5.6]. Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để nộp Ngân sách Nhà nước.

[5.7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tại phiên toà là phù hợp, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273, 264, 266, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" của chị Đỗ Thị Phương T đối với anh Phạm Đức H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Phương T được ly hôn với anh Phạm Đức H.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Phạm Anh T, sinh ngày 24/9/2007 và Phạm Anh N, sinh ngày 07/02/2010 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con chung. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H cho đến khi chị T có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0001473 ngày 25/02/2025.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các Đương sự*
- *TAND tỉnh Thái Nguyên;*
- *VKSND thành phố Phổ Yên;*
- *THADS thành phố Phổ Yên;*
- *Cổng thông tin điện tử TANDTC;*
- *UBND P. BH;*
- *Lưu VP, hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ TÊN)

Hà Thị Thu Thuỷ